

Bản án số: 116/2023/DS-ST

Ngày: 21/8/2023

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay
tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mến

2. Ông Bùi Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân
quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa: Bà Võ
Thị Nhu- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận C xét xử sơ thẩm
công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm
2023; về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 343/2023/QĐXX-ST ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**; sinh năm: 1965. Địa chỉ: C23A Khu Đ,
đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

* Bị đơn: Ông **Huỳnh Thanh P**; sinh năm: 1970. Địa chỉ: 29B khu vực P,
phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2023 của nguyên đơn là bà Trần Thị
H, nguyên đơn trình bày:**

Ngày 05/11/2018, ông Huỳnh Thanh P có vay của bà số tiền
259.700.000đ (Hai trăm năm mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng) để trả tiền
mua vật liệu xây dựng cho cháu của bà là Trần Xuân Ph. Số tiền này bà cho vay
không có tính lãi và cũng không có nhận cầm cố, thế chấp tài sản gì của ông P.
Ông P có viết biên nhận nợ cho bà và cam kết ngày 05 hàng tháng sẽ trả
20.000.000đ đến khi dứt nợ.

Tuy nhiên, ông P không thực hiện trả nợ theo thoả thuận, mỗi tháng chỉ trả được 2.000.000đ – 3.000.000đ. Từ ngày 08/12/2018, đến ngày 30/3/2021; ông P trả được tổng cộng 56.700.000đ (Năm mươi sáu triệu bảy trăm ngàn đồng), còn nợ 203.000.000đ thì xảy ra dịch Covid19 nên ông P không trả nữa cho đến nay.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh P phải trả số tiền nợ gốc là 203.000.000đ theo biên nhận nợ ngày 05/11/2018 và lãi chậm trả từ ngày 30/3/2021, tạm tính đến thời khi khởi kiện là 23 tháng x 0.83%/tháng = 38.752.000đ; tổng cộng: 241.752.000đ và lãi chậm trả tiếp theo đến khi vụ án giải quyết xong, bản án có hiệu lực.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, chỉ yêu cầu P trả số tiền nợ gốc còn lại là 203.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả giai đoạn chậm thi hành án.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn là ông Huỳnh Thanh P cho rằng:

Thừa nhận ngày 05/11/2018, ông có viết biên nhận nợ của bà Trần Thị H số tiền 259.700.000đ. Ông đã trả nhiều lần cho bà H tổng cộng số tiền 56.700.000đ và nợ bà H số tiền còn lại 203.000.000đ (Hai trăm lẻ ba triệu đồng) là đúng. Nay ông cũng đồng ý trả cho bà H số tiền còn nợ 203.000.000đ nhưng do hiện tại ông thiếu nợ nhiều người, không có khả năng trả một lần nên yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000đ đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 05/11/2018 và tại phiên toà ông P thừa nhận có vay của bà H số tiền 259.000.000đ và còn nợ số tiền 203.000.000đ là đúng. Do quá hạn theo như đã cam kết nhưng ông P không trả nợ theo thoả thuận nên bà H yêu cầu ông P trả số tiền nợ vay thiếu 203.000.000đ là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu về tiền lãi; do đây là sự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc ông P xin trả dần số nợ: Do yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Xét mối quan hệ pháp luật:** Đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay nợ gốc còn thiếu 203.000.000đ; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 05/11/2018 và tại phiên tòa ông Huỳnh Thanh P cũng thừa nhận ông có vay của bà H số tiền 259.700.000đ để trả tiền mua vật liệu xây dựng, tiền thuê thiết bị xây dựng của cháu bà H; ông đã trả được 56.700.000đ và còn nợ bà H số tiền 203.000.000đ là đúng nên đây là sự thật không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Do ông P không trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng nên bà H khởi kiện yêu cầu ông P phải trả số tiền nợ vay còn thiếu là có cơ sở vì vậy cần buộc ông P phải trả cho bà H số tiền còn nợ 203.000.000đ.

[2.2] **Về tiền lãi:** tại phiên tòa, bà H rút yêu cầu về tiền lãi chậm trả từ ngày 30/3/2021 đến khi xét xử; chỉ yêu cầu tiền lãi chậm trả giai đoạn thi hành án. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, về việc yêu cầu tiền lãi chậm trả từ ngày 30/3/2021 đến thời điểm xét xử.

[3] **Đối với yêu cầu của bị đơn là ông Huỳnh Thanh P xin trả dần số nợ 2.000.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ:** Thấy rằng: Do yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận; hơn nữa, khả năng trả nợ của bị đơn sẽ được xem xét và giải quyết trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự. Do đó, yêu cầu trả dần của bị đơn là không có sở, không được chấp nhận.

[4] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí: 203.000.000đ x 5% = 10.150.000đ (Mười triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 357, Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, 469 Bộ luật Dân sự.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị H.

Buộc ông Huỳnh Thanh P phải trả cho bà Trần Thị H, số tiền nợ còn thiếu là 203.000.000đ (Hai trăm lẻ ba triệu đồng).

Kể từ khi bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thanh toán tất nợ, ông Huỳnh Thanh P còn phải chịu tiền lãi chậm trả, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị H về việc yêu cầu ông Huỳnh Thanh P phải trả số tiền lãi chậm trả từ ngày 30/3/2021 đến khi xét xử.

3. Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thanh P phải chịu án phí 10.150.000đ (Mười triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Trần Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.044.000đ theo biên lai số 0003129 ngày 10/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

4. **Về quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. C;
- Chi cục T.H.A Q. C;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

